

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐU GIẢ C PH N L N Đ U CÔNG TY TNHH MTV C P THOÁT N C VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ TH CÀ MAU



T CH C PHÁT HÀNH



CÔNG TY TNHH MTV C P THOÁT N C VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ TH CÀ MAU

Địa chỉ : Số 204 Quang Trung, Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại : 0780.3836.723

Fax: 0780.3836.723

T CH C T V N



CÔNG TY CP CH NG KHOẢN NGÂN HÀNG CÔNG TH NG VI T NAM – CHI NHÁNH THÀNH PH H CHÍ MINH

Địa chỉ : 49 Tôn Thất Đ m, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : 08.3820.9987

Fax: 08.3820.9993

T CH C TH C H N Đ U GIẢ



S GIAO DỊCH CÔNG KHOẢN THÀNH PH H CHÍ MINH

Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.3821.7713

Fax: 08.3821.7452

Thành phố Cà Mau, tháng 10/2015

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

I.	NHỊNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ ĐỀ TÀI BÀN ĐỀ U GIÁC PH	3
II.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
III.	NHỊNG NGƯỜI CHỨC TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỀ U VÀ IB N CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
1.	Ban chủ o c phn hóa	6
2.	T c c phát hành	6
3.	T c c t v n	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐỀ C ĐỀ M C A CÔNG TY TR C KHI C PH N HÓA	7
1.	Tên, địa ch c a doanh nghiệp c phn hóa	7
1.1.	Tên, địa ch c a doanh nghiệp tr c khi c phn hóa	7
1.2.	Tên, địa ch c a doanh nghiệp sau khi c phn hóa	7
2.	Quá trình hình thành và phát triển	7
3.	Ngành ngh kinh doanh	9
3.1.	Ngành ngh kinh doanh tr c khi c phn hóa	9
3.2.	Ngành ngh kinh doanh đ k n sau khi c phn hóa	9
4.	S n ph m d ch v chính c a Công ty	9
5.	T ng s lao đ ng t p t c chuyển sang công ty c phn	10
6.	Giá tr doanh nghiệp t i th i đ i m c phn hóa	11
7.	Tài s n ch y u c a doanh nghiệp	12
7.1	Tình hình tài s n c đ nh	13
7.2	Qu đ t Công ty đang s d ng	13
8.	Danh sách Công ty m /con và các Công ty liên doanh liên k t	16
8.1	Công ty m	16
8.2	Công ty con:	17
8.3	Công ty liên doanh, liên k t:	17
9.	S đ t t c c a Công ty	18
9.1	S đ t t c c a Công ty tr c khi C phn hóa	18
9.2	S đ t t c c a Công ty đ k n sau khi C phn hóa	19
10.	Danh sách Ban lãnh đ o Công ty	20
10.1	Danh sách Ban Giám đ c, K toán tr ng	20
10.2	Danh sách Ban K m soát	20
11.	Tình hình ho t đ ng kinh doanh và k t qu ho t đ ng s n xu t kinh doanh trong 03 năm tr c khi c phn hóa	21
11.1.	Tình hình ho t đ ng s n xu t kinh doanh	22
11.2.	Nguyên v t li u	22
11.3.	Th tr ng tiêu th s n ph m	23
11.4.	Ch tiêu kinh doanh	23
11.5.	Ch tiêu chi phí	24
11.6.	Ch tiêu l i nhu n và ch tiêu tài chính	24

11.7.	Trình độ công nghệ	25
11.8.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	25
11.9.	Hoạt động Marketing	26
11.10.	Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	26
11.11.	Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới	26
11.12.	Mức số hợp đồng có giá trị lớn công ty đã ký kết và thực hiện	26
11.13.	Thu và các khoản phí nộp Nhà nước	27
11.14.	Mức số chi tiêu từng hợp	28
11.15.	Phân tích lợi nhuận và chi tiêu tài chính	29
12.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	30
12.1.	Thuận lợi	30
12.2.	Khó khăn	30
12.3.	Cạnh	30
12.4.	Thách thức	31
13.	Vị thế trong ngành của Công ty	31
V.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU CẤP PHÂN HÓA	35
1.	Vấn đề ưu và tồn tại cấp phân chào bán cho các cấp đồng	35
2.	Chiến lược kinh doanh và phát triển sau cấp phân hóa	36
3.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi cấp phân hóa	36
4.	Các giải pháp thực hiện	40
VI.	MỐI QUAN HỆ NHÂN TỐ RỦI RO	43
1.	Rủi ro kinh tế	43
2.	Rủi ro về luật pháp	43
3.	Rủi ro về kinh doanh	43
4.	Rủi ro cấp đầu chào bán	43
5.	Rủi ro đặc thù	4444
6.	Rủi ro khác	4444
VII.	PHƯƠNG NG THỰC BÁN VÀ THANH TOÁN TÍN MUA CẤP PHÂN	4545
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TÍN THU TẠ CẤP PHÂN HÓA	4747
IX.	KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4747
X.	THAY LỜI KẾT	4848

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐU GIÁ CẬP NHẬP LÊN ĐU

CÔNG TY TNHH MTV CẬP THOÁT NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ CÀ MAU

Số lượng cổ phần bán đấu giá	: 4.411.100 cổ phần.
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông.
Mức giá mua tối thiểu	: 10.000 đồng.
Giá khởi điểm	: 10.000 VND.
Số lượng cổ phần tối đa được đăng ký mua	: 4.411.100 cổ phần.
Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua tối đa	: 4.411.100 cổ phần.
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	: 100 cổ phần.
Vốn điều lệ	: 200.000.000.000 VND.
Phương thức đấu giá	: Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Đối tượng tham gia	: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Đợt cổ	: 10% giá trị tăng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Thời gian nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư tại các Đối lý	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Thời gian các Đối lý nhận phiếu tham dự đấu giá	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Thời gian tổ chức đấu giá	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Địa điểm tổ chức đấu giá	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh - Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quy định mua theo kết quả đấu giá tại các Đối lý	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Thời gian nhận lợi tức cổ theo kết quả đấu giá	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.
Danh sách Đối lý đấu giá	: Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lên đấu ra công chúng.

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN CHUNG

Tổ chức phát hành : Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau.

Tổ chức thẩm định đầu giá : Số Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh - Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổ chức tài trợ : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08 3820 9986 - Fax: 08 3820 9993
Website: www.vietinbanksc.com.vn

Tài khoản phong tỏa : Số 102010002366494 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

Các chủ sở hữu dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:

STT	Có đồng	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu dự kiến
I	Nhà đầu tư	10.200.000	102.000.000.000	51,00%
II	Bán ra bên ngoài	9.800.000	98.000.000.000	49,00%
1	Cán bộ công nhân viên	1.188.900	11.889.000.000	5,94%
	Mua ưu đãi theo thời gian làm việc theo kế hoạch trong khu vực Nhà đầu tư (bằng 60% giá đầu thành công thực hiện)	594.900	5.949.000.000	2,97%
	Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết (bằng giá đầu thành công thực hiện)	594.000	5.940.000.000	2,97%
2	Công đoàn	0	0	0%
3	Nhà đầu tư chiến lược	4.200.000	42.000.000.000	21,00%
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá	4.411.100	44.111.000.000	22,06%
	Tổng cộng	20.000.000	200.000.000.000	100,00%

Người: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ ĐỀ TÀI BÀN ĐUA GIÁ CỨ PHẦN

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sổ đăng tải thu thuế cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sáp nhập lại Công ty trách nhiệm hữu hạn mới thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Nghị định 91);
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý và sổ đăng Quê hương thuế sáp nhập doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tập hợp công ty mẹ - công ty con;
- Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 21/08/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc cổ phần hóa bộ phận doanh nghiệp Công ty TNHH Mẹ thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau.
- Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 24/08/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Mẹ thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau;
- Quyết định số 121/SKHĐT-BĐM ngày 28/08/2012 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Mẹ thành viên Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau;
- Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 12/08/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ngày về việc ban hành quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh của công ty cổ phần;
- Công văn số 897/UBND-KT ngày 04/03/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thông nhất một số nội dung xác định giá trị doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Mẹ thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau vào thời điểm 31/03/2015;
- Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 31/08/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Mẹ thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau;

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

- Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc Phê duyệt Phấn ng án s p x p lao đ ng d i do chuy n đ i Công ty TNHH M t thành viên C p thoát n c và Công trình đô th Cà Mau thành Công ty c p h n;
- Công văn số 5204/UBND-KT ngày 28/9/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc v n đ i u l và c c u v n đ i u l chuy n đ i công ty Nhà n c thành công ty c p h n;
- Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của y Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt ph n ng án c p h n hóa của Công ty TNHH M t thành viên C p thoát n c và Công trình Đô th Cà Mau;
- Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thành l p Ban ch đ o c p h n hóa b p h n Công ty TNHH m t thành viên C p thoát n c và Công trình Đô th Cà Mau;
- Biên b n H i ngh Ng i lao đ ng Công ty b t th ng vào ngày 28/08/2015 thông qua việc c p h n hóa Công ty TNHH M t thành viên C p thoát n c và Công trình Đô th Cà Mau và các ch đ chính sách cho ng i lao đ ng khi t i n hành c p h n hóa;
- Biên b n H i ngh Ng i lao đ ng Công ty b t th ng vào ngày 31/08/2015 th ng nh t Ph n ng án c p h n hóa Công ty TNHH M t thành viên C p thoát n c và Công trình Đô th Cà Mau.

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN CHUNG

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ban chấp hành/BCH	: Ban chấp hành công ty
BCTC	: Báo cáo tài chính
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CNQSDĐ	: Công nghệ quy trình sản xuất
Công ty	: Công ty TNHH MMT thành viên Công ty thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau
CP	: Công ty
CPH	: Công ty
CTCP	: Công ty Cổ phần
DT	: Doanh thu
DTT	: Doanh thu thuần
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
GD	: Giám đốc
HĐ	: Hợp đồng
HĐKD	: Hợp đồng kinh doanh
HĐLĐ	: Hợp đồng lao động
HĐTV	: Hợp đồng thành viên
LD, LK	: Liên doanh, liên kết
LNHĐKD	: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
MTV	: MMT thành viên
SGDCKHCM	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
VĐL	: Văn phòng
VietinBankSc	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
VND	: Việt Nam Đồng

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

III. NHÓM NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BÊN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo công phần hóa

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Mai Hữu Chính	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban
2	Ông Đặng Hữu Tiến	Phó Giám đốc Sở Tài chính, Phó ban
3	Ông Trần Hữu Dân	Phó Giám đốc Sở Xây dựng, Thành viên
4	Ông Nguyễn Hữu Phước	Phó Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Thành viên
5	Ông Lý Hoàng Trung	Chủ tịch Công ty TNHH Mít thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau, Thành viên

2. Tổ chức phát hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lý Hoàng Trung	Chủ tịch Công ty TNHH Mít thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau
2	Ông Trần Thanh Tâm	Kiểm soát viên không chuyên trách
3	Ông Huỳnh Thiệu Tr	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bên công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và chính xác để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Công ty TNHH Mít thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau.

3. Tổ chức tài vụ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Minh Trí	Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh
2	Bà Nguyễn Xuân Hoàng	Trưởng phòng Tài vụ Tài chính doanh nghiệp

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bên công bố thông tin này đã được Công ty công phần Kế toán Ngân hàng Công chứng Việt Nam-Chi nhánh TP Hồ Chí Minh thực hiện một cách hợp lý và chính xác dựa trên các số liệu và số liệu do Công ty TNHH Mít thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau cung cấp.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐỐI CƯƠNG MỤC A CÔNG TY TRƯỚC KHI CÔNG PHỐ NHÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp công phố nhóa

1.1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp trước khi công phố nhóa

Tên tiếng Việt : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau
Tên viết tắt : CAMAU WASUCO (CAWASUCO)
Tên giao dịch quốc tế : Ca Mau Water Supply-sewerage & Urban Work
Company Limited
Địa chỉ : Số 204 Đường Quang Trung, Phường 5, TP Cà
Mau, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0780.3836.723
Fax : 0780.3836.723
Website : www.ctncamau.com.vn
Email : ctycapnuoccamau@yahoo.com
Logo :



1.2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp sau khi công phố nhóa

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CÔNG PHỐ NHÓA CÀ MAU
Tên viết tắt : CAWACO
Tên giao dịch quốc tế : Ca Mau Water Supply Joint Stock Company
Địa chỉ : Số 204 Quang Trung, Phường 5, TP Cà Mau,
Tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0780.3836.723
Fax : 0780.3836.723
Website : www.ctncamau.com.vn
Logo :



2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau tiền thân là Công ty Công nhân Minh Hải, được thành lập ngày 29 tháng 02 năm 1992 từ Xí nghiệp Công nhân thị xã Cà Mau thuộc tỉnh Minh Hải.

- Trước ngày Miền Nam giải phóng, Xí nghiệp Công nhân thị xã Cà Mau được gọi là Ty Công Thuyết và nhiệm vụ là cung cấp nước cho khu vực Thị xã Cà Mau (An Xuyên).
- Trải qua nhiều năm phát triển, đổi mới và mở rộng mạng lưới sản xuất kinh doanh, đến tháng 6 năm 2001, theo hướng Nghị quyết Trung ương về việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, Công ty Công trình đô thị Cà Mau sáp nhập vào Công ty Công nhân Minh Hải và đổi tên thành Công ty Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau. Công ty Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau là một doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động sản xuất Kinh doanh – Dịch vụ và Công ích, có tổ chức pháp nhân, có tài khoản riêng tại ngân hàng, hạch toán độc lập, được sở đăng con dấu theo mẫu quy định.
- Đến tháng 6 năm 2010, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cà Mau quyết định chuyển Công ty Công Thoát Nước và Công trình Đô thị Cà Mau thành Công ty TNHH Một Thành Viên Công Thoát Nước và Công Trình Đô Thị Cà Mau.
- Ngày 09/09/2013, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cà Mau có quyết định số 1303/QĐ-UBND về việc đổi tên Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau, theo hướng đăng ký kinh doanh theo mã số mới, có con dấu mới để hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau tiếp tục hoạt động theo các bước cơ bản hóa bản phần, được giữ lại con dấu sử dụng cho tới khi hoàn thành cơ bản hóa bản phần chuyển thành công ty cơ bản.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Công Thoát Nước và Công Trình Đô Thị Cà Mau là doanh nghiệp nhà nước, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất kinh doanh khác trong khu vực đô thị và nông thôn trong địa bàn tỉnh Cà Mau, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và môi trường đô thị, theo hướng chủ động chủ trong sản xuất kinh doanh theo luật pháp hiện hành.

Các cột mốc lịch sử

Năm 1992	: Công ty công nhân Minh Hải ra đời
Năm 2001	: Công ty Công trình đô thị Cà Mau sáp nhập vào Công ty Công nhân Minh Hải và đổi tên thành Công ty Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau
Năm 2010	: Công ty được UBND tỉnh Cà Mau quyết định chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Công Thoát Nước và Công Trình Đô Thị Cà Mau.

Các thành tích đã đạt được:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Huân chương lao động hạng III - 2006
- Nhiều Bằng khen của Bộ Tài chính.
- Nhiều Bằng khen của Bộ Xây dựng.
- Nhiều Bằng khen của Tổng Công ty.
- Nhiều Bằng khen của Hội Công thoát nước Việt Nam.
- Nhiều bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau.
- Nhiều giấy khen của các cơ quan ban ngành trong tỉnh.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CÔNG PHỐN HÓA

- Nhiệm vụ năm liên tục được công nhận chính là...
- Hàng năm được hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước: Thuế, Bảo hiểm xã hội, Phí bảo vệ môi trường, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi công phốn hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2000101918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp lần 01 ngày 06/11/1992, thay đổi lần 07 ngày 20/03/2015 (Số cũ 101336), Công ty kinh doanh các ngành nghề sau đây:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Thu gom rác thải không được xử lý	3811
4	Thu gom rác thải được xử lý	3812
5	Xử lý và tiêu hủy rác thải không được xử lý	3821
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải được xử lý	3822
7	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4210
8	Pháo đài	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Sản xuất và cung cấp nước máy. Thiết kế và thi công giếng nước ngầm và nhà (có công suất đến 70 m ³ /h). Thiết kế và thi công móng cọc bê tông cốt thép. Hoạt động quản lý, kinh doanh các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng. Hoạt động dịch vụ chiếu sáng. Xây dựng nhà các loại, công trình dân dụng khác.	-

3.2. Ngành nghề kinh doanh tiếp diễn sau khi công phốn hóa

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm và nhà (có công suất đến 70 m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành công cộng.

4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh Cà Mau;
- Sản xuất và cung cấp nước máy. Thiết kế và thi công giếng nước ngầm và nhà (có công suất đến 70 m³/h). Thiết kế và thi công móng cọc bê tông cốt thép;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng;

- Quản lý và lập kế hoạch thông tin kinh doanh công nghệ;
- Cung cấp dịch vụ khoan giếng;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành công nghệ.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty con phân

Từ thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 31/08/2015), tổng số lao động của công ty là 347 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	347
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng,)	03
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	343
-	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	341
-	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	02
-	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 3 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động Công ty	01
II	Số lao động số nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	79
1	Số lao động do diu kiến hợp theo chế độ nghỉ hành	13
2	Số lao động số chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:	12
-	Hết hạn hợp đồng lao động	0
-	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	12
-	Chấm dứt HĐLĐ vì lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí để làm việc	54
-	Số lao động thôi việc theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP	13
-	Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trở lại công suất làm việc	41
III	Số lao động số chuyển sang làm việc tại công ty con phân	268
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	268
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	0
-	Đầu	0
-	Thai sản	0
-	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0
-	Nghĩa vụ quân sự	0
-	Nghĩa vụ công dân khác	0

TT	Nội dung	Tổng số
-	Bồi đắp, bồi đắp	0
-	Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau

Tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cuối phân hóa

Căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp:

- Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 31/08/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để phân hóa của Công ty TNHH MTV thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau.
- Hội sở xác định giá trị doanh nghiệp để phân hóa tại thời điểm ngày 31/03/2015 do Công ty Cổ phần T và Thăm định giá Đông Nam thực hiện.

Giá trị Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2015 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Giá trị thực tế của Doanh nghiệp để phân hóa	541.141.154.241
Giá trị thực tế phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp	155.349.078.455

Giá trị quy định được tính: Công ty chỉ hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị Quy định số được tính vào giá trị doanh nghiệp.

Tóm tắt kết quả xác định giá trị:

Bảng 2: Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3) - (2)
A.	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	487.592.509.227	541.141.154.241	53.548.645.014
I.	TSCĐ và Đầu tư dài hạn	226.625.602.774	277.335.735.825	50.710.133.051
1.	Tài sản cố định	159.822.192.958	210.532.326.009	50.710.133.051
-	TSCĐ hữu hình là CTXD	158.529.965.750	207.912.637.930	49.382.672.180
-	TSCĐ hữu hình là MMTB	1.292.227.208	2.619.688.079	1.327.460.871
-	TSCĐ hữu hình là PTVT – TBTD	-	-	-

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP P C PHÁP HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
2.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3.	Chi phí XDCB dở dang	57.417.172.331	57.417.172.331	-
4.	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5.	Tài sản dài hạn khác	9.386.237.485	9.386.237.485	-
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	260.966.906.453	263.234.887.038	2.267.980.585
1.	Tiền và các khoản phải thu ngắn hạn	8.369.110.455	8.369.110.455	-
-	Tiền mặt tiền quỹ	39.294.926	39.294.926	-
-	Tiền gửi ngân hàng	8.329.815.529	8.329.815.529	-
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	700.000.000	700.000.000	-
3.	Các khoản phải thu	74.052.275.898	75.526.024.483	1.473.748.585
4.	Vật tư, hàng hóa tồn kho	46.167.835.669	46.167.835.669	-
5.	TSNH khác	131.677.684.431	132.471.916.431	794.232.000
6.	Chi phí sản xuất	-	-	-
III.	Giá trị lợi nhuận kinh doanh	-	570.531.378	570.531.378
IV.	Giá trị quy định sẵn đối ứng đầu tư	-	-	-
B.	TÀI SẢN KHÔNG CÓ DÙNG	-	-	-
C.	TÀI SẢN CHƯA THANH LÝ	2.219.453.223	2.219.453.223	-
D.	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUẢN LÝ KT-PL	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CẬP A DN (A) + (B) + (C) + (D)	489.811.962.450	543.360.607.464	53.548.645.014
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CẬP A DN (A)	487.592.509.227	541.141.154.241	53.548.645.014
E1.	NGUỒN KINH PHÍ PHẢI TRẢ	385.792.075.786	385.792.075.786	-
E2.	NGUỒN KINH PHÍ PHẢI TRẢ	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ VỐN CHỦ SỞ HỮU TỰ DOANH NGHIỆP P [(A) - (E1) - (E2)]	101.800.433.441	155.349.078.455	53.548.645.014

Người: Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015 do Công ty Cổ phần T và Thăm định giá Đông Nam thực hiện, đã được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 31/08/2015.

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1 Tình hình tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015 như sau:

Bảng 3: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A.	Tài sản cố định đang dùng	366.979.644.998	99.030.146.658	267.949.498.340
I.	Tài sản cố định hữu hình	309.562.472.667	99.030.146.658	210.532.326.009
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	302.891.565.987	94.978.928.057	207.912.637.930
2.	Máy móc, thiết bị	5.906.234.543	3.574.798.709	2.331.435.834
3.	Phong kiện vận tải	-	-	0
4.	Thiết bị quản lý	764.672.137	476.419.892	288.252.245
II.	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
III.	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	57.417.172.331	0	57.417.172.331
B.	Tài sản cố định chờ thanh lý	3.398.880.644	2.931.677.840	467.202.805
	TỔNG	370.378.525.642	101.961.824.497	268.416.701.145

Người: Hội sở xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015 do Công ty Cổ phần TPN và Thẩm định giá Đông Nam thực hiện, đã được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 31/08/2015.

7.2 Quyền Công ty đang sở hữu

Bảng 4 : Tình hình sở hữu quyền của Công ty

Đơn vị tính: m²

TT	Địa điểm	Hình thức ¹	Hội sở pháp lý	Diện tích	Nhà xấp xỉ
I. Khu vực TP Cà Mau (gồm 21 thửa đất)					
1	204 Quang Trung, Phường 5, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 00621 Sổ TNMT ngày 26/01/2007	1.991,3	Đất trống C quan

¹ Giao/thuê

TT	Địa điểm	Hình thức ¹	Hồ sơ pháp lý	Diện tích	Nhà xưởng
2	Phường 5, Thôn xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải (Cà Mau)	Đất thuê	Số 117/QĐ-UB ngày 08/04/1994	484	Xây dựng trụm bả
3	Phường 5, Thôn xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải (Cà Mau)	Đất thuê	Số 542/QĐ-UB ngày 11/11/1995	100	Xây dựng trụm bả số: 24
4	Phường 8, Thôn xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải (Cà Mau)	Đất thuê	Số 214/QĐ-UB ngày 29/04/1996	78,87	Xây dựng trụm bả số: 26
5	Phường 6, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 37/QĐ-CTUB ngày 04/04/2002	58.936,5	Nhà máy cắ nắ c số: 1
6	Xã An Xuyên và Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 711/QĐ-CTUB ngày 11/07/2001	51.929,2	Nhà máy cắ nắ c số: 2
7	Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 30/QĐ-CTUB ngày 30/04/2004	13,5	Xây dựng trụm bả số: 19
8	Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 29/QĐ-CTUB ngày 30/04/2004	60	Xây dựng trụm bả số: 23
9	Phường 6, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 39/QĐ-CTUB ngày 21/05/2004	72,3	Xây dựng trụm bả số: 18
10	Phường 6, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 40/QĐ-CTUB ngày 21/05/2004	78	Xây dựng trụm bả số: 1
11	Phường 4, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 37/QĐ-CTUB ngày 21/05/2004	30,5	Xây dựng trụm bả số: 15
12	Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Số 278/QĐ-CTUB ngày 15/11/2004	52	Xây dựng trụm bả số: 2
13	Ngô Quyền - Phan Đình Phùng, P.2	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	30,9	Xây dựng trụm bả số: 4
14	Đường Nguyễn Trãi, Phường 9	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	137,5	Xây dựng trụm bả số: 7
15	Đường Hoàng Diêu, Phường 2	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	66	Xây dựng trụm bả số: 12
16	Khu đô thị LICOGI - Phường 1	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	137	Xây dựng trụm bả số: 16
17	Ấu Cắ - An Dương Vương, Phường 7	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	132,6	Xây dựng trụm bả số: 20
18	Lê Hồng Phong - Nguyễn Công Trắ, Phường 7	Đất thuê	Chắ có GCN QSDĐ	35,99	Xây dựng trụm bả số: 21

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PCT PHÂN HÓA

TT	Địa điểm	Hình thức ¹	Hồ sơ pháp lý	Diện tích	Nhà xấp xỉ
19	Đường Nguyễn Trãi, Phường 9	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	18	Xây dựng trên bề mặt: 22
20	Xã Lý Văn Lâm	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	1.067,75	Xây dựng trên bề mặt: 29
21	Phường 1, TP Cà Mau	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	45	Xây dựng trên bề mặt: 25
II. Khu vực các huyện (gồm 22 thửa đất)					
1	Thị trấn Cái Nồng, huyện Cái Nồng, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 338/QĐ-CTUB ngày 27/07/1997	119	Xây dựng trên bề mặt
2	Thị trấn Cái Nồng, huyện Cái Nồng, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 341/QĐ-CTUB ngày 10/07/1998	85	Xây dựng trên bề mặt
3	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 336/QĐ-CTUB ngày 29/07/1997	72	Xây dựng trên bề mặt
4	Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 98/QĐ-CTUB ngày 23/02/1998	340	Xây dựng trên bề mặt
5	Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	250	Xây dựng trên bề mặt: 2
6	Thị trấn Trộn Văn Thi, huyện Trộn Văn Thi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 519/QĐ-UB ngày 10/12/1997	160	Xây dựng trên bề mặt
7	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trộn Văn Thi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 31/QĐ-UB ngày 30/04/2004	1.487,5	Xây dựng trên bề mặt
8	Thị trấn Trộn Văn Thi, huyện Trộn Văn Thi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 000038 Sổ TNMT ngày 28/07/2010	200	Đất công sở sản xuất, kinh doanh
9	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trộn Văn Thi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 000290 Sổ TNMT ngày 07/03/2011	3.725,7	Đất công sở sản xuất, kinh doanh
10	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trộn Văn Thi, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 000291 Sổ TNMT ngày 07/03/2011	4.586,8	Đất công sở sản xuất, kinh doanh
11	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 000405 Sổ TNMT ngày 20/09/2011	4.967,9	Đất công sở sản xuất, kinh doanh

TT	Địa điểm	Hình thức ¹	Hồ sơ pháp lý	Diện tích	Nhà xấp xỉ
12	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Vào sổ 000404 Sổ TNMT ngày 20/09/2011	1.284,4	Đất công sở sản xuất, kinh doanh
13	Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau (Thới Bình 2)	Đất thuê	Quyết định số 711/QĐ-UB ngày 20/07/2007	144,8	Đất công sở sản xuất, kinh doanh
14	Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau (Thới Bình 2)	Đất thuê	Quyết định số 00034/QĐ-UB ngày 21/05/2004	134	Xây dựng trụ sở làm việc
15	Xã Trí Phôi, huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 639/QĐ-UB ngày 08/12/1995	200	Xây dựng trụ sở làm việc
16	Thị trấn U Minh, huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau	Đất thuê	Quyết định số 1516/QĐ-CT ngày 10/12/1997	240	Xây dựng trụ sở làm việc
17	Khu Khí Điện Đạm - Khánh An	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	3.000	Trạm tăng áp Khánh An
18	Khu tìm tái định cư Khánh An	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	325	Trạm cũ
19	Đường Cà Mau - U Minh	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	1.500	Trạm số 5
20	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	204	Trạm Khánh Hội
21	Huyện Ngạc Hiên	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	600	Trạm Ngạc Hiên
22	Huyện Ngạc Hiên	Đất thuê	Chưa có GCN QSDĐ	4.500	Trạm CNCN Ngạc Hiên

*Người: Phó ngành án công phân hóa đã được phê duyệt bởi
Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau.*

Công ty sẽ tiếp tục khai thác diện tích đất hiện hữu mà doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng, với tổng cộng 43 thửa đất để làm mặt bằng xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch, xây dựng công sở kinh doanh, các giếng khai thác nước sạch cho Công ty. Với chức năng hoạt động của mình, Công ty xây dựng phòng pháp án sẽ đóng đất trong thời gian sắp tới là thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh.

8. Danh sách Công ty mẹ /con và các Công ty liên doanh liên kết

8.1 Công ty mẹ

Công ty không có công ty m.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND tỉnh Cà Mau

Tên chủ sở hữu : Y BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Địa chỉ : Số 02 đường Hùng Vương, Phường 5, TP Cà Mau, Cà Mau

Điện thoại : 0780.3667.888 Fax 0780.3837.951

Website : www.camau.gov.vn

Tỷ lệ nắm giữ : 100% vốn đầu tư của Công ty

8.2 Công ty con: Không có.

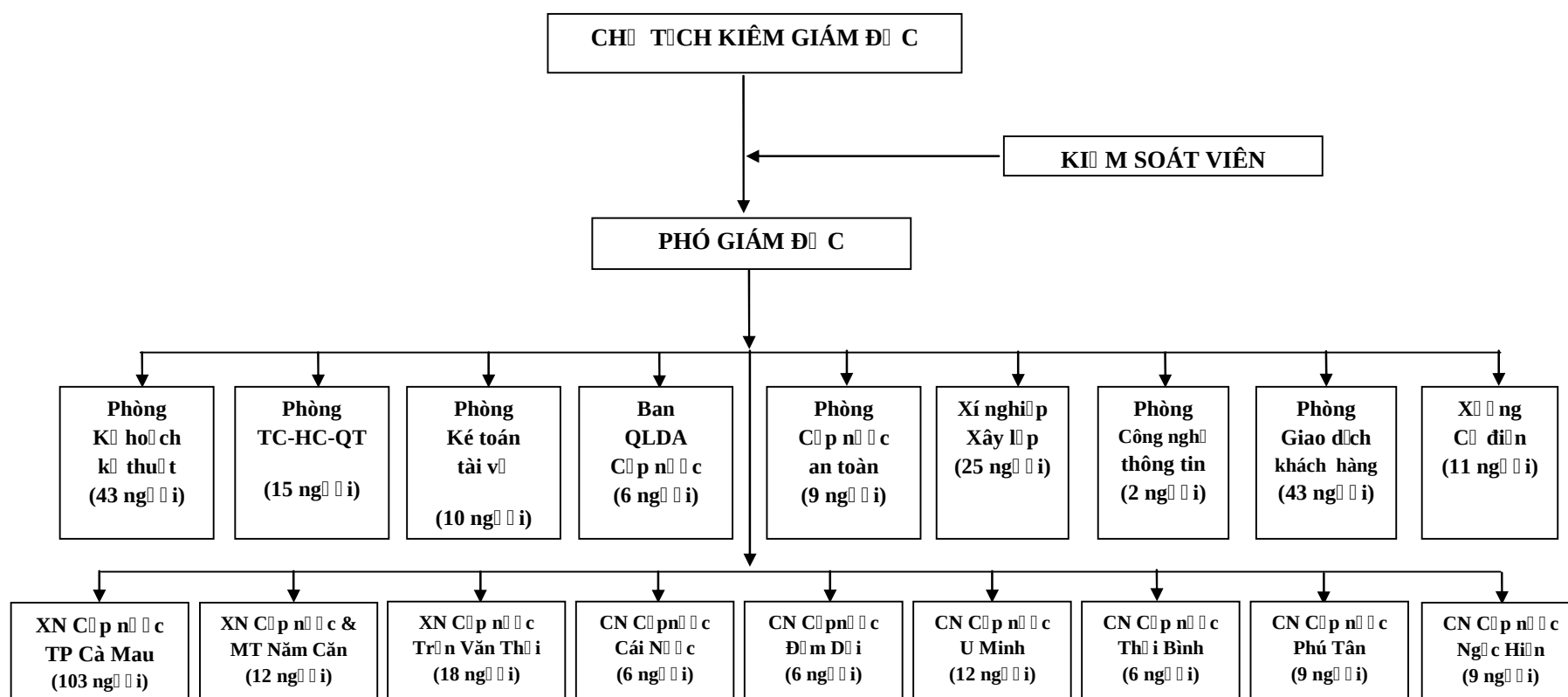
8.3 Công ty liên doanh, liên kết: Không có.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP P C PHÂN HÓA

9. Sơ đồ tổ chức của Công ty

9.1 Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi C phân hóa

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi C phân hóa

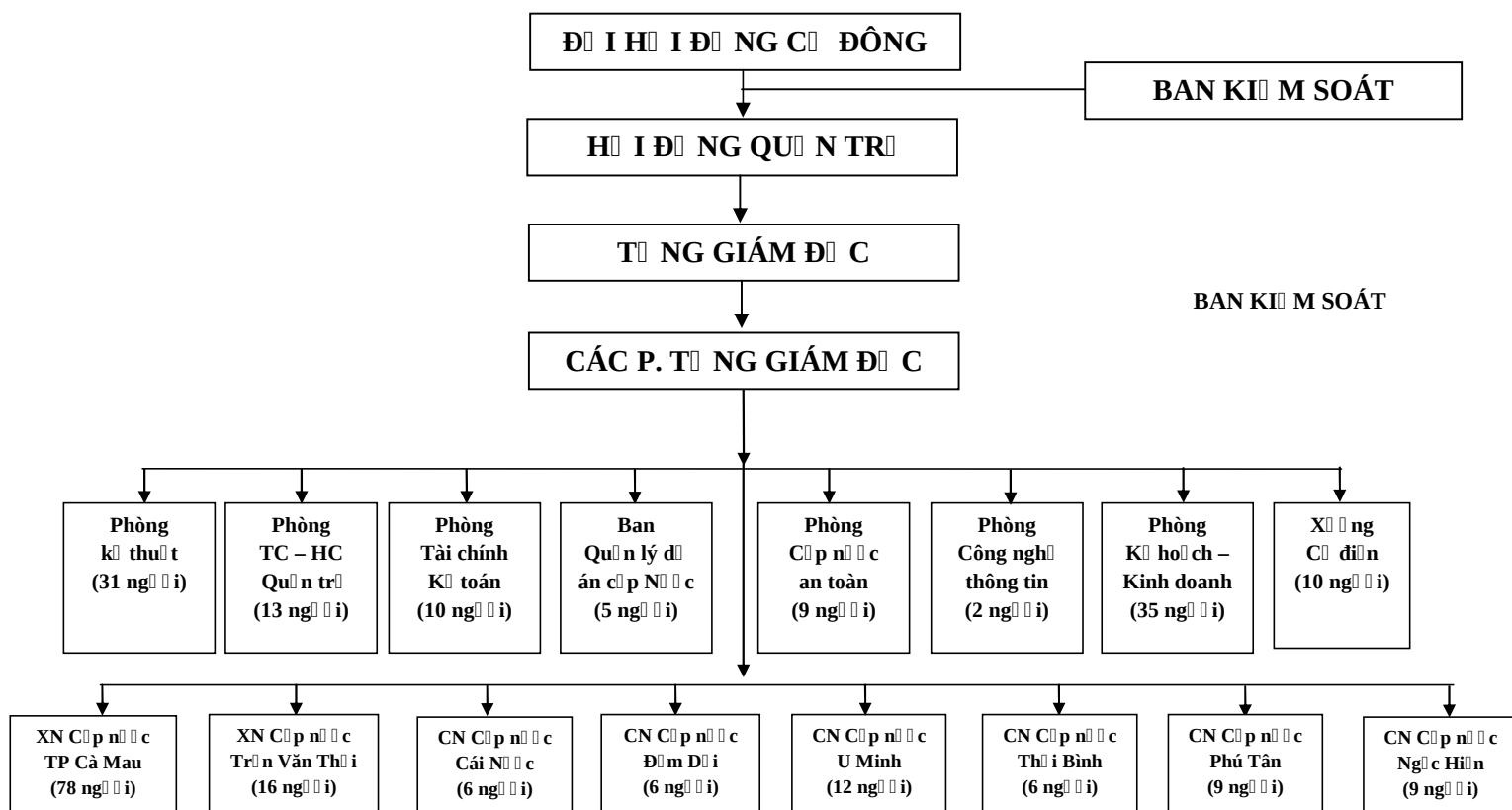


Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP P C PHÂN HÓA

9.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty sau khi C phân hóa

Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty sau C phân hóa



Nguồn: Công ty TNHH MTV C p thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

10. Danh sách Ban lãnh đạo Công ty

10.1 Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Ông Lý Hoàng Trung	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Trần Hoàng Khôn	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thiệp Tr	Kế toán trưởng

10.2 Danh sách Ban Kiểm soát

Ông Trần Thanh Tâm	Kiểm soát viên không chuyên trách
--------------------	-----------------------------------

Chi tiết về sự yêu lý lịch Ban Lãnh đạo của Công ty cụ thể như sau:

a) Ông LÝ HOÀNG TRUNG

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

❖ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí và Kỹ sư Công thoát nước đô thị.

❖ Kinh nghiệm và thời gian công tác:

- Từ năm 1986 đến 1989 công tác tại Công ty chế biến và Xuất nhập khẩu Nông sản Minh Hải, qua các vị trí: Cán bộ kỹ thuật, quản đốc phân xưởng chế biến nông sản xuất khẩu;
- Từ năm 1989 đến 1996 công tác tại Công ty cấp nước Minh Hải, qua các vị trí: cán bộ kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng cơ khí, Trưởng phòng kỹ thuật, Phó giám đốc Công ty;
- Từ 01/1997 đến 18/10/2005 Công tác tại Văn phòng UBND tỉnh Cà Mau, chức vụ: Chuyên viên;
- Từ 19/10/2005 đến 17/2/2013 Công tác tại Ban Quản lý dự án Văn hóa xã hội thuộc UBND tỉnh Cà Mau, chức vụ: Giám đốc Ban;
- Từ 18/02/2013 đến 15/03/2015 công tác tại Ban quản lý dự án Khu kinh tế tỉnh Cà Mau, chức vụ: Phó Ban;
- Thời gian đã làm việc các cơ quan Nhà nước và Công ty Nhà nước là 33 năm;
- Từ 15/03/2015 đến nay công tác tại Công ty TNHH môi trường thành viên Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau.

b) Ông TRẦN HOÀNG KHÔN

Chức vụ: Phó Giám đốc.

❖ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Khai thác thủy sản.

❖ **Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- Từ năm 1981 đến 1983: Công tác tại Công ty Lắp ráp thuyền Ngã C Hiên Tỉnh Cà Mau;
- Từ năm 1983 đến 1985: Công tác tại Ban Tổ chức huyện Ngã C Hiên Tỉnh Cà Mau;
- Từ Năm 1986 đến 1991: Học Đại học khai thác thủy sản trường Đại Học Cần Thơ;
- Từ năm 1991 đến tháng 8/2014: Công tác tại công Nông Năm Căn;
- Từ năm 8/2014 đến nay công tác tại Công ty TNHH mlt thành viên Ctp thoát ncc và Công trình Đô thị Cà Mau.

c) Ông **TRẦN NG THANH TÂM**

Chức vụ : Kiểm soát viên không chuyên trách.

❖ **Trình độ chuyên môn:**

Cấp nhân Đại học Tài chính kế toán.

❖ **Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- Từ năm 1975 đến nay : Làm công tác kế toán.

d) Ông **HUỖNH THIÊN TR**

Chức vụ : Kế toán trưởng.

❖ **Trình độ chuyên môn:**

Cấp nhân kinh tế.

❖ **Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- Từ năm 1992 đến năm 1994: Công tác tại Công ty dịch vụ du lịch Cà Mau;
- Từ năm 1992 đến năm 1994: Công tác tại Nhà hàng Khách sạn Phụng Nam, Cà Mau;
- Từ năm 1994 đến năm 1996: Công tác tại Công ty Thương nghiệp Ngã C Hiên;
- Từ năm 1996 đến năm 2001: Công tác tại Công ty Công trình Đô thị Cà Mau;
- Từ năm 2001 đến nay: Công tác tại Công ty TNHH mlt thành viên Ctp thoát ncc và Công trình Đô thị Cà Mau.

11. **Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm trước cổ phần hóa tiếp tục duy trì, doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước.

11.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 5: Sản lượng sản xuất giai đoạn 2013 – 31/03/2015

Đơn vị tính: m³

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1/2015
Sản lượng khai thác	17.612.302	17.872.730	4.523.412
Sản lượng thông khí	12.560.271	12.742.813	3.323.942

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

Bảng 6: Lợi nhuận sau thuế của Công ty giai đoạn 01/10/2012 – 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2012 đến 30/09/2013	Từ 01/10/2013 đến 30/06/2014	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
Lợi nhuận sau thuế	5.881	3.396	2.483	1.182

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty giai đoạn 01/10/2012 – 31/03/2015

11.2. Nguyên vật liệu

a. Nguyên nguyên vật liệu:

Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nguyên đầu vào chủ yếu của Công ty gồm 02 sản phẩm sau: (1) Nước và (2) Clo.

- **Điểm yếu nguyên nước:** không giảm với nhu cầu Công ty cấp nước khác trong ngành, Công ty hiện đang khai thác nguồn nước chủ yếu từ các giếng nước ngầm qua các giếng khoan.
- **Điểm yếu hóa chất Clo:** Công ty đi mua bên ngoài.

b. Số vốn định của các nguyên cung cấp này :

- **Điểm yếu nguyên nước:** Do nguồn nước đầu vào của Công ty được khai thác chủ yếu qua các giếng khoan cho nên nguồn đầu vào của Công ty có tính chất ổn định, ít rủi ro. Tuy nhiên, do nhu cầu năm gần đây việc khoan, khai thác nước ngầm trên địa bàn tỉnh của các quản lý chức năng và tình hình xâm nhập mặn cũng ảnh hưởng nhiều đến chất lượng nguồn nước.

- **Đội ngũ sản phẩm Clo:** Đây là hàng hóa bán phổ biến trên thị trường, giá cả tương đối ổn định.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Công ty tương đối chủ động trong việc quản lý nguyên vật liệu, sản lượng khai thác luôn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Đội ngũ sản phẩm Clo, Công ty đã ký hợp đồng mua với khách hàng lớn và sẽ đóng trong thời gian dài (01 năm) do đó biến động về giá không làm ảnh hưởng tới chi phí của Công ty. Mặt khác, chi phí mua hóa chất Clo chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ do đó không ảnh hưởng nhiều tới lợi nhuận của Công ty.

11.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Do nhu cầu sinh là nhu cầu không thể thiếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của xã hội, đặc biệt là nguồn nước mặt ngày càng ô nhiễm, các mạch nước ngầm tầng nông do khai thác quá mức và quản lý không chặt chẽ trong một thời gian dài đã ô nhiễm mức độ cao nên kết quả nên thị trường tiêu thụ sản phẩm nước sạch trên địa bàn tỉnh là rất ổn định và nhu cầu ngày càng cao.

Hiện trên địa bàn tỉnh chỉ có một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch cho các đô thị nên không có tình trạng cạnh tranh do đây là một sản phẩm thiết yếu cần thiết cho các đô thị nên giá bán do nhà quản lý chốt chết. Khi các yếu tố đầu vào sản xuất tăng nhưng không đầu tư chính giá bán kẹp chặt cũng sẽ gây trở ngại rất lớn cho quá trình tích lũy tái đầu tư nâng cấp, mở rộng sản xuất và khó đảm bảo lợi nhuận cho các nhà đầu tư.

11.4. Chỉ tiêu kinh doanh

Bảng 7: Doanh thu của Công ty giai đoạn 2011 – 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		3 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu cung cấp nước	53.355	58,75%	80.466	95,15%	21.591	60,47%
Doanh thu thu phí sinh, công ích đô thị	27.668	30,46%	1.507	1,78%	341	0,95%
Doanh thu tài chính	236	0,26%	278	0,33%	78	0,22%
Doanh thu khác	4.565	5,03%	2.340	2,77%	13.698	38,38%
Tổng cộng	90.824	100%	84.571	100%	35.708	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Mút thành viên Cúp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau là Kinh doanh nước sạch nên từ trình doanh thu đến từ sản phẩm nước sạch chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

11.5. Chi tiêu chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí giai đoạn 01/10/2012 – 31/03/2015

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	T 01/10/2012 đến 30/09/2013		T 01/10/2013 đến 30/06/2014		T 01/07/2014 đến 31/12/2014		T 01/01/2015 đến 31/03/2015	
	Giá trị	T 10 ² %	Giá trị	T 10 %	Giá trị	T 10 %	Giá trị	T 10 %
Giá vốn hàng bán	108.883	80,29%	54.168	80,29%	60.242	80,29%	28.930	80,29%
Chi phí hoạt động tài chính	3.006	2,22%	2.920	2,22%	1.521	2,22%	361	2,22%
Chi phí bán hàng	5.635	4,16%	5.603	4,16%	4.206	4,16%	1.806	4,16%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.909	13,21%	12.035	13,21%	5.751	13,21%	3.328	13,21%
Chi phí khác	174	0,13%	-	0,13%	410	0,13%	-	0,13%
Tổng chi phí	135.606	100%	74.726	100%	72.130	100%	34.425	100%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán giai đoạn 30/09/2013- 31/03/2015

Nhận xét: Giá vốn hàng bán và Chi phí quản lý doanh nghiệp là hai chi phí chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm.

11.6. Chi tiêu lợi nhuận và chi tiêu tài chính

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 30/09/2012-31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	T 01/10/2012 đến 30/09/2013	T 01/10/2013 đến 30/06/2014	T 01/07/2014 đến 31/12/2014	T 01/01/2015 đến 31/03/2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.356	78.504	74.847	35.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	39	205	281	-

² T 10 trên tổng chi phí

Chỉ tiêu	T 01/10/2012 đến 30/09/2013	T 01/10/2013 đến 30/06/2014	T 01/07/2014 đến 31/12/2014	T 01/01/2015 đến 31/03/2015
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.317	78.299	74.566	35.513
Giá vốn hàng bán	108.883	54.168	60.242	28.930
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.434	24.130	14.324	6.583
Doanh thu hoạt động tài chính	236	187	206	78
Chi phí tài chính	3.006	2.920	1.521	361
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.006</i>	<i>2.920</i>	<i>1.521</i>	<i>361</i>
Chi phí bán hàng	5.635	5.603	4.206	1.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.909	12.035	5.751	3.328
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.120	3.759	3.052	1.166
Thu nhập khác	3.677	657	541	349
Chi phí khác	174	-	410	-
Lợi nhuận khác	3.503	657	132	349
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.623	4.416	3.184	1.515
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.742	1.020	700	333
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.881	3.396	2.483	1.182

Người: BCTC đã được kiểm toán giai đoạn 30/09/2013- 31/03/2015

11.7. Trình độ công nghệ

Hiện tại, Công ty chủ yếu áp dụng các công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất kinh doanh.

11.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện tại, Công ty chủ yếu thực hiện kiểm tra chất lượng bằng cách lập kế hoạch hàng năm để thực hiện bởi: Viện Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm y tế dự phòng của

tỉnh Cà Mau.

11.9. Hoạt động Marketing

Vị thế thù là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, là ngành không có tính cạnh tranh nên hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu chủ yếu chú trọng khai mở và sâu rộng.

11.10. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo nhận hiệu Công ty là:



Logo, nhận hiệu hiện nay chủ yếu đăng ký bản quyền.

11.11. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Do vị thế chủ yếu hoạt động cấp thoát nước, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty chủ yếu là mở rộng và cải tiến công nghệ phân phối, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cấp nước của thành phố Cà Mau và các thị xã, thị trấn trong Tỉnh Cà Mau.

11.12. Một số hợp đồng có giá trị lớn công ty đã ký kết và thực hiện

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	Ngày ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Tổng mức đầu tư
I	Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống Cấp nước TP. Cà Mau, Công suất 30.200 m³/ngày			105.715.045.916
1	11/01/2008	01/2008/HĐKT	Công ty TNHH XD – TM Duy Anh	13.160.284.138
2	11/01/2008	02/2008/HĐKT	CTCP Nước ngầm II	12.105.221.460
3	02/02/2010	03/2010/HĐ-KT	CTCP Nước ngầm II	9.790.434.450
4	12/01/2008	03/HĐ-XD	CTCP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	6.802.489.748
5	15/01/2008	05/2008/HĐKT	CTCP Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước (WIWASEEN 11)	5.782.736.853

TT	Ngày ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Tổng mức đầu tư
6	06/06/2011	15/HĐXD	Công ty TNHH Đất Lãi	399.933.141
7	15/01/2008	04/HĐ-XD	Liên danh Sonadezi - Hinh Châu	3.375.973.261
8	27/09/2005	CMCN-00-01	Công ty Bebingg (Italia)	51.415.906.865
9	10/11/2010	03/2010-HĐKT	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ Thuật Đất Hùng	2.882.066.000
II	Dự án Xây dựng hạ tầng Công trình thủy lợi n Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau Công suất: 4.000 m³/ngày			21.928.745.031
1	06/12/2010	06/2010/HĐXD	CTCP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	16.559.384.000
2	04/12/2010	09/2010/HĐ-XD	Công ty TNHH Khoan Công nghệ nước và Thương mại Đất Hinh	5.369.361.031
III	Dự án Xây dựng hạ tầng Công trình thủy lợi n Sông Đốc, huyện Trữ Văn Thi, Tỉnh Cà Mau. Công suất: 6.000 m³/ngày			27.107.353.544
1	26/03/2009	04/2009/HĐXL	Công ty TNHH XD – TM Duy Anh	12.087.167.544
2	26/03/2009	03/2009/HĐXL	CTCP Nước ngầm II	15.020.186.000
IV	Dự án Xây dựng hạ tầng Công trình sinh hoạt thủy lợi n Rạch Gốc, huyện Ngã Hai, Tỉnh Cà Mau. Công suất: 3.200 m³/ngày.			27.627.363.062
1	03/10/2013	01/2013/HĐXD	CTCP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	25.883.711.447
2	03/08/2015	01/2015/HĐ-XD	CTCP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	1.743.651.615

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

11.13. Thuế và các khoản phí nộp Nhà nước

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh, chấp hành tất cả các quy định về luật thuế của Nhà nước.

Các loại thuế Công ty phải nộp bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng nội địa;
- Thuế Thu nhập Doanh nghiệp/ Thuế thu nhập Cá nhân ;

- Thu tài nguyên ;
- Thu đất;
- Thu môn bài ;
- Phí bảo vệ môi trường.

11.14. Một số chỉ tiêu tình hình

Tình hình một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 (ba) năm trước c phân hóa như sau:

Bảng 11: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 01/10/2012 - 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	T 01/10/2012 đến 30/09/2013	T 01/10/2013 đến 30/06/2014	T 01/07/2014 đến 31/12/2014	T 01/01/2015 đến 31/03/2015
Tổng tài sản	Triệu đồng	616.123	589.990	544.146	489.812
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Triệu đồng	155.276	152.222	131.644	104.020
Nợ vay ngắn hạn	Triệu đồng	399.534	384.355	366.958	337.972
Trong đó: Nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	Triệu đồng	61.237	53.336	45.544	47.820
Trong đó: Nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	-1.915	-1.941	-1.474	-1.474
Tổng số lao động	Người	548	366	362	351
Tổng quỹ lương	Triệu đồng	37.916	22.453	13.896	6.838
Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	5,766	6,816	6,398	6,500
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	139.356	78.504	74.847	35.513
Tổng chi phí (*)	Triệu đồng	135.606	74.726	72.130	34.425
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.623	4.416	3.184	1.515
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.881	3.396	2.483	1.182
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư của Chủ sở hữu	%	3,79%	2,23%	1,89%	1,14%

Nguồn: Các BCTC đã được kiểm toán trong giai đoạn từ 01/10/2012 đến 31/03/2015

11.15. Phân tích lợi nhuận và chỉ tiêu tài chính

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 30/09/2013 - 31/12/2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	30/09/2013	30/06/2014	31/12/2014
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,93	0,85	0,85
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	0,72	0,71
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,74	0,78	0,76
2	Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản	Lần	0,26	0,22	0,24
3	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,87	3,63	3,13
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	1,14	0,66	0,66
2	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	321,24	556,66	555,20
3	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,94	1,00	1,14
4	Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	0,23	0,13	0,13
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,04	0,04	0,03
2	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,03	0,05	0,04
3	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,04	0,02	0,02
4	LNST/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,010	0,006	0,004

Nguồn: VietinBankSc tính toán dựa trên số liệu Công ty cung cấp.

- **Chỉ tiêu khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty ở mức trung bình và có xu hướng giảm.
- **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản tăng dần, ngược lại thì thời điểm 30/06/2014, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng cao do thời điểm điểm này, các khoản nợ phải trả của Công ty gia tăng.
- **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Vòng quay các khoản phải thu, Vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tổng tài sản có xu hướng giảm. Kỳ thu tiền bình quân tăng lên cho thấy năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm.
- **Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi:** Các chỉ tiêu khả năng sinh lợi của Công ty tăng dần liên tiếp nhưng ở mức thấp so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

12. Nhúng nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

12.1. Thuận lợi

- Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sản phẩm ngày càng gia tăng khi chất lượng ngày càng cao.
- Tuy nhiên, khả năng cung cấp của Công ty còn hạn chế, hiện nay Công ty mới chỉ cung cấp một số chủng loại các đô thị. Do vậy tiềm năng phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới là rất lớn.
- Với những thành tựu kinh doanh phát triển bền vững đã đạt được trên nền tảng cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng ngày càng cao cho khách hàng, Công ty ngày càng nâng cao năng lực quản lý để phục vụ tốt hơn.

12.2. Khó khăn

- Thời gian qua, diễn biến tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và khó khăn của kinh tế trong nước đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí sản xuất kinh doanh tăng do tăng giá nguyên liệu, giá đầu vào, chi phí nhân công, tiền lương, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển ... những giá bán hiện tại không đủ để bù đắp chi phí làm nên những khó khăn không nhỏ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, không có đủ nguồn tài chính, mở rộng và phát triển sản xuất.
- Thành phố Cà Mau và trên các huyện hiện đang trong quá trình phát triển và chỉnh trang đô thị, một số tuyến đường nâng cấp mở rộng làm nên những biến động về cơ cấu của Công ty. Các công trình hiện tại khác khi thi công những công trình mới của Công ty nên cũng gây nên những khó khăn đáng kể đến các tuyến đường cơ sở, gây thất thoát nhân lực và thiết bị tài sản cho Công ty.
- Công tác quản lý, bộ máy tổ chức của đơn vị còn quá cồng kềnh, hoạt động thiếu hiệu quả. Trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của người lao động chưa cao, công tác đào tạo - giáo dục nội bộ trong Công ty còn rất hạn chế. Khả năng sản xuất và cung cấp một số chủng loại mới của Xí nghiệp và Chi nhánh chưa được thực hiện nghiêm túc. Một vài đơn vị thì thất thoát, thất thu của đơn vị còn rất cao so với chuẩn chung.

12.3. Cơ hội

- Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Cà Mau đang có sự khởi sắc và chuyển biến tích cực, các dự án lớn về hạ tầng đang được triển khai đầu tư, trong đó có việc đầu tư các dự án nâng cấp đô thị và hạ tầng kết nối thành phố Cà Mau. Đây là cơ hội tốt để tổ chức lại hệ thống quản lý và kinh doanh các thị trường, công nghệ hiện đại và công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra cơ hội lớn cho Công ty đi vào hiện đại, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm ủng hộ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và các cấp, các ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị.

- Doanh nghiệp giá nhân công sẽ được điều chỉnh tăng theo lộ trình sẽ là điều kiện thuận lợi để Công ty tăng nguồn thu, đẩy mạnh đầu tư nguồn và mở rộng hệ thống công nhân, đầu tư thay thế trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực phục vụ cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cán bộ, nhân viên, người lao động trong Công ty cần luôn đoàn kết tốt, có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt nội quy và quy định nội bộ, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn ngày càng được nâng cao sẽ là điều kiện tốt để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

12.4. Thách thức

Những khó khăn, tồn tại đã qua cũng chính là những thách thức đối với Công ty trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp đến, cụ thể là:

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nhân công còn cao so với mức số đơn vị chuyên ngành trong khu vực.
- Nguồn vốn đầu tư sở hữu của, chi tiêu và nâng cấp hệ thống công nghệ mới, các thiết bị bị chìm giằng và hệ thống điều khiển vận hành tại các nhà máy và các trạm công nhân tại thành phố Cà Mau và trên các huyện còn rất hạn chế.
- Giá nhân công sinh hoạt chi phí được điều chỉnh giá theo lộ trình đơn vị không đủ kinh phí tái đầu tư.

13. Vị thế trong ngành của Công ty

13.1. Vị thế của Công ty

Hiện tại Công ty có 58.845 khách hàng trong toàn tỉnh Cà Mau, trong đó tại thành phố Cà Mau là 36.957 khách hàng, tại các huyện 21.888 khách hàng. Là đơn vị duy nhất cung cấp nhân công sạch cho các hộ dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Công ty đang nỗ lực để đạt mức trung bình tiên tiến trong khu vực vào năm 2017 – 2018.

13.2. Triển vọng phát triển của Ngành

Nhân công sạch là một sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của người dân và trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong tương lai, nhu cầu về nhân công sạch sẽ ngày càng tăng cùng với: (i) Quá trình đô thị hóa, (ii) Quá trình phát triển kinh tế, (iii) Tình trạng khan hiếm nguồn nhân công sạch trong bối cảnh các nguồn nhân công sông hồ đang bị ô nhiễm do hóa chất thải ra từ các nhà máy, rác thải sinh hoạt, tình trạng xâm nhập mặn... Chính vì vậy, lĩnh vực công thoát nhân công là lĩnh vực được Liên hiệp quốc, Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm và chú trọng đầu tư.

Về tỷ lệ thất thoát nhân công: Mục tiêu của Chương trình quốc gia về chống thất thoát, thất thu nhân công sạch đến năm 2025³ là giảm xuống còn 15%. Cụ thể như sau:

³ Đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010.

Bảng 13: Tỷ lệ thuế thoát nước đối với Thuế thu nhập Chính phủ phê duyệt

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025
Tỷ lệ thuế thoát, thuế thu nước sạch	25%	18%	15%

Nguồn: Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010.

Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ thuế thoát, thuế thu nước sạch của ngành đã gần đạt được mức tiêu do thuế thu nhập chính phủ đưa ra cho đến hết năm 2015. Các thuế, tỷ lệ thuế thoát nước đã giảm từ 30% (Năm 2009) xuống còn chỉ còn 25,5% năm 2014 (Theo số liệu của Hiệp hội cấp thoát nước Việt Nam).

Một vài định hướng của ngành trong thời gian tới:

- Đáp ứng đủ nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ;
- Cải thiện chất lượng nước, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, tăng cường hiệu quả đầu tư, công nghiệp hóa ngành cấp nước, tiến đến trình độ quản lý vận hành theo kịp các tiên tiến trong khu vực và thế giới;
- Đẩy mạnh sản xuất thiết bị, phụ tùng trong nước, giảm nhập khẩu;
- Tỷ lệ thuế thoát thuế thu ≤ 15%;
- Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, khai thác nguồn nước ngầm một cách hợp lý, tăng cường giám sát khai thác nước ngầm;
- Xã hội hóa cấp nước đô thị nhằm thu hút thêm nguồn lực cho lĩnh vực cấp nước đô thị.

Định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về vận động Cấp thoát nước:

“Quản lý khai thác có hiệu quả hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị, các khu, cụm công nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn hiện có gần với bảo vệ môi trường nguồn nước ngầm, vận động sử dụng tiết kiệm nguồn nước sinh hoạt. Phấn đấu triển khai hệ thống cấp nước liên tỉnh sử dụng nguồn nước sông Hậu theo quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thu hút đầu tư nhà máy xử lý nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt.

Đầu tư cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, sớm hoàn thành dự án thoát nước thành phố Cà Mau, đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Sông Đốc, Năm Căn, các đô thị trung tâm huyện và các khu, cụm công nghiệp.”

Nguồn: Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 17/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau

Tiềm năng tăng trưởng tại Cà Mau:

Hiện tại nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của người dân toàn tỉnh Cà Mau còn nhiều và ngày càng tăng cao do các nhân tố chính sau đây: (i) Sự gia tăng dân số, (ii) Quá trình đô thị hóa và (iii) Quá trình phát triển kinh tế của địa

phòng, (iv) Nhu cầu và năng lực gia tăng cùng với sự gia tăng về thu nhập của người dân và ý thức sống động của xã hội dân chủ được nâng cao.

Bảng 14: Một số Mục tiêu tăng trưởng của tỉnh Cà Mau

Chỉ tiêu	2020	2025	2030
Tỷ lệ đô thị hóa đến năm	37%	42%	50%
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm	7 – 7,5%	7 – 7,5%	7 – 7,5%
Tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch và sinh	100%		
Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch	45%	65%	80%
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm	Giai đoạn 2016 - 2020		7 – 7,5%
	Giai đoạn 2021 - 2025		7%
	Giai đoạn 2021 - 2030		6,9%

Nguồn: Từ trình số 85/TTr-UBND ngày 17/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau

Các điều kiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiến bộ hóa, tiết kiệm chi phí sản xuất, hiện thực thu nhập và Công ty áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

13.3. Định hướng phát triển của Công ty

- Giữ vững và không ngừng mở rộng quy mô và cung cấp năng lực sản xuất cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau;
- Tập trung cho quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ;
- Phát triển thêm một số sản phẩm, dịch vụ có liên quan sản phẩm chính của đơn vị nhằm tận dụng lợi thế hiện có và nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Công ty có phân cấp năng lực Cà Mau khi đi vào hoạt động sản xuất quy mô, đầu tư chi tiêu sâu để giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ, ...;
- Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2017 và những năm tiếp theo, Công ty có phân cấp năng lực Cà Mau là chủ yếu theo tiêu chí ưu tiên chất lượng sản phẩm và phục vụ là hàng đầu để phục vụ cho khách hàng với phương châm “Chất lượng hàng đầu, khách hàng là trên hết”;
- Ngoài ra, Công ty còn thực hiện một số loại hình kinh doanh song song khác có liên quan đến mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động như: giảm chi phí sản xuất, phát triển khách hàng, ...;
- Dự kiến Công ty sẽ khai thác nguồn năng lực sông Hố theo quy hoạch cấp năng lực vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.

13.4. Đánh giá sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, của Nhà nước

Định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với chính sách, quy hoạch của Nhà nước, địa phương và Chiến lược phát triển hệ thống đô thị Việt Nam của Bộ Xây dựng.

Về vốn đầu tư vào của Công ty

Hiện tại, nguồn vốn đầu tư vào của Công ty chủ yếu đến từ nguồn vốn ngân hàng thông qua các gói vay. Do vậy, nhu cầu vốn của Công ty sẽ thấp hơn so với các công ty khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản. Công ty đang có kế hoạch triển khai đầu tư các công trình đường sắt đường sắt sạch cấp từ sông Cầu Long theo quy hoạch cấp nước vùng của Bộ Xây Dựng.

Điều này cũng phù hợp với định hướng của tỉnh Cà Mau về vốn đầu tư hơn chỉ đầu tư - khai thác nguồn vốn và Mục tiêu phát triển tổng quát của tỉnh Cà Mau được nêu trong Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 17/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Cụ thể là: “...Tài nguyên nguồn vốn cần được khai thác sử dụng hợp lý, đầu tư có hiệu quả pháp về nguồn cấp nước sinh hoạt thay thế hơn chỉ nguy cơ sụt lún đất làm địa hình ngày càng thấp, tăng tỉ lệ diện tích ngập lụt...”;

V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU CẢI PHÂN HÓA

1. Vốn đầu tư và tỷ lệ cổ phần chào bán cho các cổ đông

Vốn đầu tư : 200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
Số lượng cổ phần : 20.000.000 cổ phần
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
Mức giá : 10.000 đồng/cổ phần

Bảng 15: Cổ chủ cổ đông dự kiến của Công ty sau Cải phân hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu vốn đầu tư
I	Nhà nước	10.200.000	102.000.000.000	51,00%
II	Bán ra bên ngoài	9.800.000	98.000.000.000	49,00%
1	Cán bộ công nhân viên	1.188.900	11.889.000.000	5,94%
	Mua ưu đãi theo thời gian làm việc theo chế độ trong KVNN (bằng 60% giá đầu tư thành công thực hiện)	594.900	5.949.000.000	2,97%
	Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết (bằng giá đầu tư thành công thực hiện)	594.000	5.940.000.000	2,97%
2	Công đoàn	0	0	
3	Nhà đầu tư chiến lược	4.200.000	42.000.000.000	21,00%
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá	4.411.100	44.111.000.000	22,06%
	TỔNG CỘNG	20.000.000	200.000.000.000	100,00%

Người: Phó tổng giám đốc phân hóa đã được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND của ngày 12/10/2015

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thâu mua mà vốn không bán hết thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện điều chỉnh số vốn đầu tư. Ban Chỉ đạo cải phân hóa Công ty và người đi đầu phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp cải phân hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội

đồng c₁ đồng l₁n đầu v₁ quy₁n bán ti₁p ph₁n v₁n nhà n₁ c₁ t₁i Công ty C₁ ph₁n C₁p n₁ c₁ Cà Mau sau khi Công ty c₁ ph₁n đã chính th₁c ho₁t₁ đ₁ng theo Lu₁t Doanh nghi₁p theo ph₁ng án c₁ ph₁n hóa đã đ₁c UBND t₁nh Cà Mau phê duy₁t đ₁u ch₁nh.

2. Chi n l c kinh doanh và phát tri n sau c ph n hóa

2.1. Đẩy mạnh phát triển khách hàng

- Ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới điểm kinh doanh cửa hàng của ra mắt số khu vực các phòng, trung tâm và các xã vùng ngoại ô của thành phố Cà Mau;
- Tiếp nhận các trạm cửa hàng của nông thôn để mở rộng phạm vi hoạt động, phát triển khách hàng trong lĩnh vực cửa hàng của các huyện còn lại;
- Thực hiện các chương trình quảng bá thông tin, xây dựng lòng tin, tạo sự gần gũi khách hàng với Công ty.

2.2. Phát triển sản xuất – kinh doanh

- Đầu tư thêm nguồn vốn tại thành phố Cà Mau, thành lập các huyện và một số khu vực biệt lập nhằm có dân cư tập trung.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch thí nghiệm, kiểm tra báo tri hệ thống mạng, cải thiện hệ thống, áp dụng công nghệ mới để nâng cao sản lượng nguồn vốn;
- Mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh khác như: sản xuất nông sản tinh khiết đóng chai, nông sản đã tinh khiết, dịch vụ sửa chữa điện – nước sau đồng hồ ...

2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đầu tư sửa chữa, cải tạo và nâng cấp hệ thống công nghệ lọc và xử lý nước drinking water, hoàn chỉnh cho từng nhà máy và các trạm cấp nước trong toàn hệ thống, phân đầu chi theo từng công trình cấp nước luôn ổn định và phát triển theo Quy chuẩn Quốc gia;
- Xây dựng các quy trình và thực hiện cấp nước an toàn, định kỳ 6 tháng phải họp với các đơn vị chuyên ngành và quản lý Nhà nước kiểm tra lấy mẫu theo quy định.

2.4. Nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh

- Giảm các chi phí trong sản xuất thông qua việc tối ưu hóa chi phí nhiên liệu và điện năng tiêu thụ của hệ thống công nghệ và thiết bị;
- Nâng cao năng suất lao động;
- Giảm thiểu thất thoát, thất thu nước theo kế hoạch đề ra;
- Ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý tài sản, vận hành và chăm sóc khách hàng;
- Khúc phục sự cố của khách hàng khi có sự cố về giằng và móng đường ống.

3. Kĩ hoạch sản xuất kinh doanh sau khi cấp phép hóa

Căn cứ xây dựng kế hoạch:

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CÔNG PHÂN HÓA

Căn cứ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014 cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau giai đoạn 2010 – 2020, chiến lược phát triển Công ty sau khi công phân hóa, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017 với các chỉ tiêu như sau:

Bảng 16: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2015 - 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn đầu tư	Triệu đồng	200.000	200.000	200.000
2	Sản lượng				
-	Sản lượng sản xuất nước	m ³	18.587.000	22.304.400	26.765.280
-	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	13.940.250	17.174.388	21.144.571
3	Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	94.100	115.931	142.731
4	Chi phí	Triệu đồng	88.100	99.000	110.000
-	Tỷ lệ chi phí/doanh thu	%	93,62%	85,40%	77,07%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.000	16.931	32.731
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.680	13.545	26.185
-	Tỷ lệ trích lập các quỹ	%	20	20	20
+	Quỹ đầu tư phát triển	%	5	5	5
+	Quỹ dự phòng tài chính	%	5	5	5
+	Quỹ khen thưởng phúc lợi	%	5	5	5
+	Quỹ khen thưởng ban đầu hành	%	5	5	5
-	Tổng số tiền trích quỹ	Triệu đồng	936	2.709	5.237
+	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	234	677	1.309
+	Quỹ dự phòng tài chính	Triệu đồng	234	677	1.309
+	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	234	677	1.309
+	Quỹ khen thưởng ban đầu hành	Triệu đồng	234	677	1.309
-	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	Triệu đồng	3.744	10.836	20.948
-	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	-	6.772	13.092
-	Lợi nhuận còn lại	Triệu đồng	3.744	4.063	7.855
6	Tổng số lao động	Người	268	250	250
-	Trình độ sản xuất	Người	220	210	210
-	Gián tiếp	Người	48	40	40
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,5	9,0	11,0

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PCT PHÂN HÓA

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
8	Tổng suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	6,38	14,60	22,93
9	Tổng suất lợi nhuận trước thuế/vốn đầu tư	%	3,86	10,90	21,07
10	Tổng lợi ích	%	0	3,39	6,55

Người: Phòng ngân sách phân hóa đã được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND của ngày 12/10/2015

Tổng lợi ích chỉ trích số do Hội đồng công đồng quyết định theo từng năm thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổng thuế thoát, thuế thu nhập.

Thức hiện kế hoạch và triển khai đúng bố, thuế quy định liên và công tác chính thuế thoát và thuế thu nhập xã, phân đầu tư giảm thuế thuế thoát, thuế thu nhập xã trong giai đoạn (2015 – 2017) như sau:

Bảng 17: Tổng thuế thoát, thuế thu nhập xã kế hoạch giai đoạn 2015 – 2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng thuế thoát, thuế thu nhập xã kế hoạch	25%	23%	20%

Người: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau

- Các chỉ tiêu Sản xuất – Kinh doanh.

Bảng 18: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ngắn hạn		
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	Sản xuất và cung cấp nước				
1	Sản lượng sản xuất nước	m ³	18.587.000	22.304.400	26.765.280
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	13.940.250	17.174.388	21.144.571
II	Một số chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	94.000	116.000	143.000
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	88.100	99.000	110.000
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	5.900	17.000	33.000

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ngắn hạn		
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
4	Tổng số đã nộp Ngân sách	Triệu đồng	10.000	12.000	14.000
III	Quỹ tiền lương, quỹ thưởng				
1	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	33.646	33.780	38.556
-	Ban điều hành	Triệu đồng	1.246	1.272	1.464
-	Người lao động	Triệu đồng	32.400	32.508	37.092
2	Thu nhập bình quân tháng				
-	Ban điều hành	Triệu đồng	23,5	26,5	30,5
-	Người lao động	Triệu đồng	7,5	9,0	11,0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau

Chỉ tiêu phát triển khách hàng.

Bảng 19: Chỉ tiêu về phát triển khách hàng giai đoạn 2015 - 2017

TT	Diễn giải	Số lượng khách hàng		
		2015	2016	2017
I	Phát triển khách hàng	4.720	4.800	5.000
1	Tại Thành phố Cà Mau	2.500	3.300	3.500
2	Tại Các huyện	2.220	1.500	1.500
II	Thay thế, cải tạo, di dời TLK	5.250	15.000	22.000
1	Tại Thành phố Cà Mau	3.500	10.000	15.000
2	Tại Các huyện	1.750	5.000	7.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau

Kế hoạch số đông lao động.

Bảng 20: Kế hoạch số đông lao động giai đoạn 2015 - 2017

STT	Diễn giải	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I.	Lao động gián tiếp	51	50	50

STT	Diễn giải	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Cán bộ quản lý	10	8	8
2	Chuyên môn nghiệp vụ	41	42	42
II.	Lao động trực tiếp	217	200	200
1	Lao động có tay nghề	144	200	200
2	Lao động phổ thông	73	0	0
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG		268	250	250

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau

Công ty đã kiến trong 03 năm tiếp theo giám nhân sự thông qua kế hoạch điều chỉnh, sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực sẵn có.

4. Các giải pháp thực hiện

Để đạt được những chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

4.1. Công tác quản lý sản xuất

- Tăng cường nâng công suất nguồn nước, tối các nhà máy nước trên các các biện pháp và kế hoạch, và hệ thống bơm, hệ thống xử lý;
- Quản lý vận hành tốt các trạm bơm và nhà máy, duy tu, bảo dưỡng định kỳ các loại thiết bị, công nghệ;
- Tăng cường quản lý chất lượng nước cấp đạt theo tiêu chuẩn Quốc gia.

4.2. Công tác quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước đáp ứng tốt nhất yêu cầu dùng nước của khách hàng;
- Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng, xây dựng, quảng bá thương hiệu qua chất lượng các sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp;
- Cải tiến các công tác ghi thu tiền nước, giảm thiểu tổn thất thu xuất nước thất thoát.

4.3. Giải pháp tiết kiệm chi phí

- Tiết kiệm thông qua chi phí nhiên liệu và điện năng tiêu thụ:
 - + Chi phí nhiên liệu và điện năng là một trong những khoản chi phí lớn trong xây dựng giá thành nước, do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm chi phí như sau:
 - o Vận hành trạm bơm cấp 1 và thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm, có giá điện thấp (đi vào các Nhà máy);

- o Thay thế các thiết bị, máy móc có công suất tiêu thụ điện lớn bằng các thiết bị máy móc tiêu hao điện năng ít;
- Thông qua các biện pháp giảm chi phí khác:
 - + Nâng cao năng suất lao động, giảm lãng phí về lao động và thời gian lao động vì đây là một trong những chi phí lớn trong giá thành sản phẩm. Giảm pháp chế là sắp xếp tình hình lại để chế biến máy trong Công ty một cách khoa học, sắp xếp cải tiến công việc, định mức công việc, tăng cường chế độ kiểm soát chi phí lao động. Đối với lao động dôi dư, lao động không đáp ứng yêu cầu công việc, lao động không có trình độ, năng lực thì giảm quy mô cho nghề nghiệp; Thực hiện đào tạo và đào tạo lại chuyên môn cho người lao động;
 - + Thực hiện các biện pháp nâng cao công tác quản lý chi phí vật chất phòng ngừa tiêu, thiết bị, tiết kiệm hành chính, văn phòng và các chi phí khác về hoạt động của Công ty hợp lý;
 - + Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư công trình xây dựng mới và công trình do Công ty làm chủ đầu tư;
 - + Tiết kiệm chi phí thông qua việc chế tạo thiết bị, thiết bị thu nhập.
 - + Phân bổ đầu tư chi phí trong giai đoạn (2015-2017) còn trung bình 21% và giảm dần trong các năm sau;
 - + Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho, giảm gian lận nội bộ của khách hàng;
 - + Thành lập đội ngũ dây nóng và Đội phận ứng nhanh để giải quyết những yêu cầu của khách hàng và xử lý sự cố của các sản phẩm và giảm, mức độ ứng dụng kịp thời;
 - + Hàng năm có kế hoạch cải thiện các hệ thống cấp nước rò rỉ, thiết bị thoát cao.

4.4. Giảm pháp về tài chính

- Tập trung tích lũy vốn nguồn vốn trong Công ty, vốn vay để có đủ tiềm lực về tài chính thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng công suất các nhà máy sản xuất, mở rộng mạng lưới chi nhánh để đáp ứng nhu cầu sản phẩm của khách hàng;
- Tăng cường hiệu quả trong quản lý nguồn vốn, sử dụng vốn bằng các biện pháp phân bổ đầu tư theo nhu cầu thực tế, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

4.5. Giảm pháp về nhân sự

- Kiểm soát tốt quá trình đào tạo lại người lao động, thực hiện các chính sách phù hợp để tránh làm biến động lực lượng lao động, giảm chi phí đào tạo.
- Rà soát, đánh giá năng lực, trình độ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động của toàn đơn vị để sắp xếp, bố trí hợp lý theo điều kiện phát huy năng lực cá nhân; tiếp tục công tác kiến tạo toàn bộ máy chế độ quản lý để hành theo hướng tình hình, hiệu quả;
- Trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và kinh nghiệm, Công ty sẽ thực hiện công tác điều chỉnh luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, để tăng cường phát huy hết năng lực cá nhân;

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động, thực hiện thông xuyên theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho đào tạo dài hạn. Chú trọng đến việc tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm làm việc sẵn lòng và quan trọng;
- Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động, quan tâm hơn đến việc người lao động có năng lực qua các biện pháp như: thăng tiến, tăng lương. Đồng thời xây dựng và phát triển các phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất tạo cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

4.6. Giải pháp về thị trường

- Xây dựng và quản lý bán hàng hiệu quả Công ty thông qua chốt lấy các sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm tạo cho người dân tin tưởng vào chốt lấy sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện báo đảm cấp nước an toàn để không ảnh hưởng tới thị trường hiệu quả Công ty trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch.

4.7. Giải pháp về công nghệ

- Thông qua xuyên cấp nước và ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới vào sản xuất – kinh doanh, đây là nền tảng cho hệ thống quản lý công nghệ như: ứng dụng các phần mềm và kỹ thuật, văn phòng, quản lý khách hàng, quản lý tài sản ...
- Ứng dụng các công nghệ tự động hóa, quản lý hiệu quả, tích cực triển khai ứng dụng nhanh trong sản xuất và có giải pháp tiên tiến trong vận hành hệ thống sản xuất nước sạch.

VI. MẶT SẴN NHÂN TÀI RO

1. Rủi ro kinh tế

Bất kỳ một doanh nghiệp nào hoạt động trong nền kinh tế nào cũng đều có những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố có bản trong nền kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, Lạm phát, Lãi suất, Tỷ giá hối đoái.

Là một hàng thiếp yếu cho cuộc sống và sản xuất kinh doanh, sản phẩm của Công ty tuy ít chịu rủi ro khi nền kinh tế của Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng nhưng vì là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế cho nên Công ty cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, nước ta đang trong quá trình hoàn thiện các văn bản luật, nhiều văn bản luật mới đã được ban hành, điều chỉnh sao cho phù hợp hơn với tình hình thực tế tuy nhiên chưa có những văn bản hướng dẫn chi tiết về việc triển khai. Điều này dẫn đến sự khó khăn cho các doanh nghiệp, trong đó có Công ty trong việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Trong đó, những sự thay đổi về quy hoạch thị trường của địa phương và trung ương liên quan đến ngành cấp thoát nước, những thay đổi về cách tính giá bán nước – chính sách về giá bán nước của Chính phủ,... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền của Công ty.

3. Rủi ro về kinh doanh

Công ty có thể gặp phải những rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh như sau:

Rủi ro về giá bán sản phẩm: Do là doanh nghiệp độc thù, giá bán nước do Nhà nước quản lý. Khi các yếu tố đầu vào thay đổi lớn những Nhà nước không cho điều chỉnh giá bán sẽ dẫn tới rủi ro trong kinh doanh, hiệu quả, tích lũy để tái đầu tư....

Rủi ro về nguyên vật liệu: Các yếu tố đầu vào chủ yếu của Công ty đều có sẵn tại chỗ nên rủi ro này đối với Công ty là không cao.

Rủi ro về cạnh tranh: Tính đến thời điểm hiện tại, vì Công ty là doanh nghiệp duy nhất hoạt động trong ngành cấp - thoát nước tại địa bàn tỉnh Cà Mau nên rủi ro về cạnh tranh đối với Công ty không nhiều.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mặc dù trong những tháng gần đây nền kinh tế Việt Nam có nhiều dấu hiệu khởi sắc như: Lạm phát giảm và đang ở mức thấp nhất kể từ năm 2011, vốn đầu tư vào trong ngành ngân hàng đang dần được giải quyết; tình trạng khủng hoảng về vàng, ngoại tệ trong những

năm trước đây đã được khai thác... Như vậy, tính thanh khoản của tài sản cố định đang có khoản Vốn Nam theo đó cũng tăng lên, từ đó tạo thuận lợi hơn cho các hoạt động thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa....

Thuận lợi là vậy nhưng nhìn chung thì điểm bất ổn tài sản cố định đang có khoản trong thời điểm hiện tại vẫn chưa có nhiều thuận lợi cho đợt bán đấu giá cổ phần này của Công ty. Một trong những nguyên nhân đang chú ý nhất là bên cạnh đợt bán đấu giá cổ phần của Công ty còn có rất nhiều các doanh nghiệp có vốn Nhà nước khác được thoái vốn và các doanh nghiệp Nhà nước bắt buộc phải cổ phần hóa chiếm số lượng lớn trong khi nguồn vốn trong nền kinh tế có giới hạn. Do đó, nhu cầu khả năng việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty sẽ không thành công như mong đợi và giá bán cũng như việc khai thác cổ phần bán được. Từ đó dẫn đến số tiền thu được từ đợt bán đấu giá này có thể ít hơn so với dự kiến, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, phát triển kinh doanh mà Công ty đã đưa ra.

5. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh các rủi ro được nêu trên, Công ty còn chịu rủi ro đặc thù là “**Rủi ro thất thoát nợ**”. Mặc dù Công ty đã cố gắng để giảm thiểu rủi ro thất thoát nợ như ngấm mủ để thất thoát nợ của Công ty vẫn còn cao.

Hiện nay Công ty đang đang dùng các kế thuật tiền tệ và đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý hệ thống cấp nợ để giảm thiểu và thất thoát nợ.

6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, rủi ro mang tính chất bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... là những rủi ro không thể dự báo trước, và nếu có xảy ra thì sẽ gây thiệt hại lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TÍN MUA CẬP PHẦN

1. Phương thức bán tập phần

Bảng 21: Các chủ sở hữu và số lượng tập phần chào bán

TT	Cổ đông	Số lượng tập phần	Phương thức chào bán
1	Cán bộ công nhân viên	1.188.900	Theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty tập phần.
2	Công đoàn	0	-/-
3	Nhà đầu tư chiên lược	4.200.000	Theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 12/08/2015 của UBND tỉnh Cà Mau ngày về việc ban hành quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư là cổ đông chiên lược của công ty tập phần.
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá	4.411.100	Bán đấu giá tập phần lên đấu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
	TỔNG CỘNG	9.800.000	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 12/08/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ngày về việc ban hành quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư là cổ đông chiên lược của công ty tập phần,

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư là cổ đông chiên lược:

- Là doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh, có đủ tài cách pháp nhân, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, xử lý, cung cấp và kinh doanh nước sạch.
- Có năng lực tài chính thể hiện qua các số liệu sau: Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 30 tỷ đồng vào niên độ tài chính gần nhất (năm 2014 hoặc 6 tháng đầu năm 2015), chứng minh có đủ vốn góp.
- Đối diện chủ sở hữu của doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản:

- + Tham gia bổ sung vốn điều lệ để đủ số vốn của phần đời và cổ đông chiếm lĩnh khi Công ty phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ.
- + Mua hết số lượng cổ phần nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh đã đăng ký mua.
- + Không chuyển nhượng số cổ phần được mua là cổ đông chiếm lĩnh trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoặc theo Luật Doanh nghiệp.

Khi được chọn nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đã đăng ký mua theo mức giá giao dịch thành công nhất (không thấp hơn giá khởi điểm đã được công quan có thẩm quyền quy định phải ứng án cổ phần hóa phê duyệt), trừ trường hợp tài sản quyên mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

Trường hợp nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh không thực hiện đúng cam kết, vi phạm các điều khoản theo quy định thì phải bồi thường mức tiền thiệt hại ra và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Lưu ý với việc lựa chọn nhà đầu tư chiếm lĩnh:

Chọn tối đa 02 nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh, mỗi nhà đầu tư đặt mua tối thiểu 10% vốn điều lệ của công ty cấp phần. Trường hợp có nhiều hơn 02 (hai) nhà đầu tư đăng ký là nhà đầu tư chiếm lĩnh sẽ thực hiện bán đấu giá để chọn nhà đầu tư là cổ đông chiếm lĩnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua cổ phần thông qua đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) ban hành.
- Đối với cán bộ công nhân viên: Theo thông báo của Ban chấp hành cổ phần hóa sau khi xác định được giá đầu thành công thấp nhất của đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

VIII. KẾ HOẠCH SẴN DẴNG TIỀN THU TIỀN C PHÂN HÓA

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

Bảng 22: Số tiền thu được từ tính theo giá khi điếm từ đợt phát hành cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số cổ phiếu	Giá trị
Trong đó:		
- Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động ⁴	594.900	3.569.400.000
- Tiền thu từ bán ưu đãi cho thành công đoàn	0	0
- Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động mua thêm	594.000	5.940.000.000
- Tiền thu từ bán cho nhà đầu tư chỉn lọc ⁵	4.200.000	42.000.000.000
- Tiền thu từ Nhà đầu tư trong nước khác	4.411.100	44.111.000.000
Tiền thu từ bán cổ phiếu từ tính theo giá khi điếm	9.800.000	95.620.400.000

Nguồn: VietinBankSc tính toán.

2. Kế hoạch sả dng số tiền thu được từ đợt phát hành

Việc quản lý, sả dng tiền thu từ cổ phiếu hóa thc hiên theo quy định tại m c III Thông t s 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

IX. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Công ty sẽ triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu ngay sau khi hoàn tất cổ phiếu hóa theo quy định tại Nghđịnh 59/2011/NĐ-CP khi điếm ki n.

⁴ Tính theo 60% giá khi điếm: 6.000 đng/cổ phiếu.

⁵ Tính theo giá khi điếm: 10.000 đng/cổ phiếu.

X. THAY LỜI KẾT

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần cho Nhà đầu tư chi ngân sách và bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV C P Thoát Nọc và Công trình đô thị Cà Mau, được Công ty Cổ phần Chênh khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các số liệu từ phía Công ty cung cấp.

Tất cả nội dung thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quy định lợi ích pháp của nhà đầu tư.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp để có thể định đầu tư một cách khách quan, chính xác.

Hy vọng các nhà đầu tư có quan tâm nên tham khảo kỹ Bản thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH M t thành viên c p thoát nọc và Công trình đô thị Cà Mau.

Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!

Cà Mau, ngày ... tháng 10 năm 2015

ĐẠI DIỆN BAN CHỨC O C PHÂN HÓA

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV C P THOÁT N C
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ CÀ MAU
GIÁM Đ C

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHENH KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TPHCM
PHÓ GIÁM Đ C

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

X. THAY LỜI KẾT

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các số liệu từ phía Công ty cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau.

Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!

Cà Mau, ngày **23** tháng 10 năm 2015

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA


Mai Hữu Chính

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ CÀ MAU


Giám đốc

Lý Hoàng Trung

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TPHCM


Giám đốc

P. GIÁM ĐỐC
Huỳnh Minh Trí